

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 659/2023/DS-PT

Ngày: 27-12-2023

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 947/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn B, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2023) (có mặt);

Địa chỉ: đường P, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1979;

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Anh Trần Huy C, sinh năm 1977 (theo Giấy ủy quyền ngày 26/12/2023) (có mặt);

Địa chỉ: khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

2. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Tô Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Tô Văn B, có đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 01/01/2022 anh Q, chị L có vay của ông B số tiền 3.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 2%/tháng, có làm biên nhận. Đến tháng 6 năm 2022 anh Q, chị L tiếp tục hỏi vay số tiền 3.000.000.000 đồng; sau đó ông T, bà Y (cha, mẹ ruột chị L) có gặp ông B nói sẽ bảo lãnh cho anh Q, chị L nên ngày 25/6/2022 (ÂL), ông B có cho anh Q, chị L vay 2.000.000.000 đồng và 220 chỉ vàng 24K, hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận lãi 2%/tháng.

Sau đó ông B làm thất lạc các biên nhận nên có làm biên nhận lại ghi lại là 6.000.000.000 đồng.

Sau khi vay anh Q, chị L không trả tiền lãi theo như thỏa thuận nên nay ông B yêu cầu anh Q, chị L, ông T, bà Y liên đới trả 6.000.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 6.000.000.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng, thời gian tính từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/8/2023 với số tiền là 1.170.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị thừa nhận chị và anh Q có vay của ông B 5.000.000.000 đồng và 22 lượng vàng 24K cụ thể như sau:

Vào khoảng năm 2017 vợ chồng chị có vay 3.000.000.000 đồng của ông B. Ngày 25/6/2022 (ÂL) vợ chồng chị có vay tiếp 2.000.000.000 đồng và 22 cây vàng 24K (nhận vàng). Ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022) vợ chồng chị có làm biên nhận chốt nợ.

Do sau khi làm biên nhận chốt nợ thì hai bên có thỏa thuận trả lãi hàng tháng, vốn thì trả dần, thời hạn trả từ 03 đến 05 năm, kể từ ngày 19/2/2023. Nay do chưa đến thời hạn trả vốn nên chị không đồng ý trả tiền vốn cho ông B. Đối với tiền lãi, chị xin không phải trả lãi do hiện nay chị đã mất khả năng chi trả.

Bị đơn anh Q thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của chị L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 465, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Hoàng Q, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Y liên đới trả 6.000.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Hoàng Q liên đới trả tiền lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Hoàng Q liên đới trả cho ông Tô Văn B 375.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/8/2023, nguyên đơn ông Tô Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo về thời gian tính lãi, cụ thể: yêu cầu anh Q, chị L, ông T, bà Y liên đới trả số tiền nợ 6.000.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 19/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19/7/2023; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Xác định biên nhận chốt nợ ngày 19/02/2023 hai bên thỏa thuận trả lãi định kỳ hàng tháng, có điều kiện trả dần vốn bắt đầu tính từ ngày 19/02/2023, hai nội dung này cấu thành hợp đồng vay tài sản không thể tách rời; từ ngày 19/02/2023 bị đơn không trả lãi cũng như không trả tiền vốn cho nguyên đơn là vi phạm nên bị đơn phải chịu trách nhiệm theo Điều 351 Bộ luật Dân sự, ông B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng buộc bị đơn trả vốn và lãi là có căn cứ. Về yêu cầu buộc ông T và bà Y liên đới với bị đơn trả nợ không có căn cứ vì đã được loại trừ trách nhiệm liên đới theo nội dung giấy xác nhận nợ ngày 19/02/2023. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc anh Q, chị L liên đới trả cho ông B 6.000.000.000 đồng và lãi 1,5%/tháng từ ngày 19/02/2023 đến ngày 19/7/2023.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Đơn kháng cáo của ông Tô Văn B nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của ông Tô Văn B:

Ông Tô Văn B yêu cầu anh Q, chị L, ông T, bà Y liên đới trả 6.000.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 6.000.000.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng, thời gian tính từ ngày 19/02/2023 đến ngày 19/7/2023.

Ông B và anh Q, chị L trình bày thống nhất, theo “Giấy mượn tiền” chốt nợ ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022 - bút lục số 01, 02) hai bên thỏa thuận “... trả lãi định kỳ hàng tháng, nếu có điều kiện trả lần vốn, bắt đầu từ ngày 19/02/2023 và đến Thời gian trả 03 năm đến 05 năm nếu sao thời gian không trả đủ nhờ pháp luật giải quyết”. Anh Q, chị L thừa nhận kể từ ngày 19/2/2023 khi hai bên làm biên nhận chốt nợ đến khi ông Q khởi kiện thì anh chị chưa trả khoản tiền lãi nào cho ông B theo thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Q và chị L trình bày: Anh Q và chị L vay 6.000.000.000 đồng của ông B nhằm mục đích kinh doanh gia công vàng (vàng xi) cho nên thỏa thuận có điều kiện trả dần vốn và trả lãi hàng tháng, nhưng sau đó anh Q, chị L bị lừa nên không có khả năng trả nợ, mặc dù ông B có đến nhà nhắc nhở trả nợ nhiều lần; đồng thời xác định số tiền vốn vay được thỏa thuận trả dần từ ngày 19/02/2023 đến thời hạn trả tối đa từ 03 năm đến 05 năm.

Như vậy, kể từ ngày ký biên nhận nợ ngày 19/02/2023 anh Q, chị L chưa trả lãi và phần tiền vốn vay nào theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280, Điều 282 của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 280 thì “*nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận ...bao gồm của tiền lãi trên nợ gốc*”, do anh Q và chị L vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 351, Điều 353 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, hai bên xác định số tiền vay xuất phát từ năm 2022 đến tháng 01/2023 hai bên thỏa thuận lại bằng biên nhận nợ ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022) với số tiền nợ là 6.000.000.000 đồng, nhưng kể từ khi ký biên nhận thỏa thuận thì bên vay (anh Q, chị L) vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận, bên cho vay (ông B) đã có yêu cầu bên vay thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi như đúng thỏa thuận nhưng bên vay không thực hiện nên bên cho vay có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn theo quy định tại Điều 423, Điều 424 của Bộ luật Dân sự. Từ đó, ông B khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn vay 6.000.000.000 đồng trước hạn là có

căn cứ đúng quy định tại Điều 351, Điều 353 Bộ luật Dân sự. Án sơ thẩm nhận định đến ngày 03/6/2023 ông B khởi kiện yêu cầu chị L, anh Q, ông T, bà Y trả lại tiền vốn là chưa hết thời hạn vay nên không chấp nhận yêu cầu trả lại số tiền vốn 6.000.000.000 đồng là chưa đúng quy định. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu trả lại số tiền vốn vay 6.000.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, ông B yêu cầu anh Q, chị L, ông T, bà Y liên đới trả 6.000.000.000 đồng là chưa có căn cứ, bởi lẽ tại biên nhận chốt nợ ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022) thể hiện “*Tất cả những giấy mượn tiền phát sinh trước không có giá trị chỉ áp dụng từ nay (ba tôi Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Y không còn trách nhiệm đối với số tiền này nữa)*”, ông B thừa nhận có ký và ghi họ tên. Như vậy, kể từ ngày hai bên lập lại “Giấy mượn tiền” thì trách nhiệm bảo lãnh của ông T và bà Y đối với khoản nợ 2.000.000.000 đồng và 22 cây vàng 24K đã không còn, vì trong “Giấy mượn tiền” ngày 19/02/2023 đã bao gồm luôn khoản nợ 2.000.000.000 đồng và 22 cây vàng 24K mà trước đây ông T, bà Y đứng bảo lãnh cho anh Q với chị L. Do đó ông B khởi kiện yêu cầu anh Q, chị L, ông T, bà Y liên đới trả 6.000.000.000 đồng là chưa có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B buộc anh Q và chị L trả lại cho ông B số tiền vốn 6.000.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả lãi, ông B yêu cầu tính từ ngày 19/02/2023 đến ngày 19/7/2023: Theo thỏa thuận hai bên tại giấy mượn tiền ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022) không đề cập gì đến số tiền lãi trước đó, chỉ thỏa thuận thời gian trả tiền lãi bắt đầu từ ngày 19/02/2023, anh Q, chị L thừa nhận vi phạm trả tiền lãi từ sau ngày 19/02/2023, do đó ông B yêu cầu tính từ ngày 19/02/2023 là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo nguyên đơn ông B trình bày ngày 01/01/2022 anh Q, chị L có vay của ông B số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 25/6/2022 (âl) anh Q, chị L vay 2.000.000.000 đồng và 220 chỉ vàng 24K. Ngày 19/02/2023 lập “Giấy mượn tiền” chốt nợ với số tiền tổng cộng là 6.000.000.000 đồng và hiện nay anh Q, chị L vẫn còn nợ ông B. Do đó ông B yêu cầu tính lãi trên số tiền 6.000.000.000 đồng là có căn cứ, án sơ thẩm chỉ tính lãi trên số tiền vốn 5.000.000.000 đồng và cho rằng 220 chỉ vàng 24K không tính lãi là chưa phù hợp theo nội dung thỏa thuận của “Giấy mượn tiền” ngày 19/02/2023 (nhưng đề ngày 01/01/2022).

Đối với mức lãi suất, hai bên không thống nhất với nhau về mức lãi suất, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tính mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên, ông B chỉ yêu cầu tính mức lãi 1,5%/tháng là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 6.000.000.000 đồng x 05 tháng (19/2/2023 đến 19/7/2023) x 1,5%/tháng = 450.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Tô Văn B, sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q và chị Nguyễn Thị Thùy L1 trả cho ông B số tiền vốn vay 6.000.000.000 đồng và tiền lãi vay là 450.000.000 đồng, tổng cộng

6.450.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu đối với việc buộc ông T và bà Y có nghĩa vụ liên đới với bị đơn trả nợ cho ông B.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 282, Điều 351, Điều 353, Điều 423, Điều 424, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Văn B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Văn B số tiền nợ là 6.450.000.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); trong đó, tiền nợ vay là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi vay là 450.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B về yêu cầu ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Y liên đới trả tiền nợ.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng Q cùng chịu 114.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Hoàn lại ông Tô Văn B số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm số 0011859 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt